

JOURNAL OF EDUCATION  
JOURNAL OF EDUCATIONAL SCIENCE - MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

# TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số **419**

(Kì 1 - 2017)



ISSN 2354-0753

# TẠP CHÍ GIÁO DỤC

JOURNAL OF EDUCATION

ISSN 2354-0753

Năm thứ mười bảy  
Ra ngày 5 và 20 hàng tháng

419

(Kì 1 - 12/2017)

## Tổng biên tập:

LÊ THANH OAI

## Hội đồng biên tập:

ĐINH QUANG BẢO  
PHẠM TẮT ĐÔNG  
ĐỖ TIẾN ĐẠT  
HOÀNG NGỌC HÀ  
PHẠM MINH HẠC  
NGUYỄN THANH HÙNG  
ĐÀO THÁI LAI  
NGUYỄN VĂN LÊ  
BÀNH TIẾN LONG  
NGUYỄN THỊ MỸ LỘC  
TRẦN VĂN NHUNG  
NGUYỄN QUANG NINH  
PHẠM HỒNG QUANG  
THÁI VĂN THÀNH  
TÔ BÁ TRƯỞNG  
HANS-GEORG WEIGAND  
HAMID CHAACHOUA

## Trụ sở:

4 Trịnh Hoài Đức - Hà Nội  
Fax: (024) 37345363  
<https://tapchigiaoduc.moet.edu.vn>  
Email: tapchigiaoduc@moet.edu.vn  
Ban Biên tập: (024) 37343571  
Email: banbientap@moet.edu.vn  
Ban Thư kí tòa soạn: (024) 37345663  
Email: banthuki@moet.edu.vn  
Ban Trị sự: (024) 37345363  
Email: bantrisu@moet.edu.vn

## Tài khoản:

102010000026240 Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh TP. Hà Nội; 1400201033693 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Láng Hạ - Hà Nội.

## Trình bày:

QUANG LINH - HOÀNG MAI

## Giấy phép xuất bản:

Số 294/GP-BTTTT, ngày 17/05/2016

## In tại:

Công ty Cổ phần In Công Đoàn Việt Nam  
167 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Giá: 25.000đ

# Mục lục - Contents

## **ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG NGÀNH GIÁO DỤC**

Trần Nguyên Hào: Lĩnh hội tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ ở Trường Đại học Hà Tĩnh hiện nay. Applying Ho Chi Minh ideology on the training of young generation at the University of Hà Tĩnh in current period 1

## **DIỄN ĐÀN ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Đinh Quang Báo - Mai Sỹ Tuấn - Phan Thị Thanh Hội: Định hướng xây dựng chương trình môn Sinh học trung học phổ thông đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Building biology curriculum for high school to meet requirements of general education curriculum 5

## **QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

Đinh Thị Phương Lan: Chính sách tài chính đối với học sinh phổ thông dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay. Financial policies for boarding school students of ethnic minorities at current period 10

Đàm Thị Diệu Thủy: Biện pháp quản lý đào tạo theo tiếp cận CIPO tại Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội. Measures of training management under CIPO approach at Hanoi College of Arts 14

Nguyễn Thị Hương - Đặng Thành Dũng: Quản trị tài chính tiếp cận hiệu quả cho giáo dục đại học công lập Việt Nam. Financial governance towards efficiency for public higher education in Vietnam 19

## **TÂM LÝ HỌC - SINH LÝ HỌC LỨA TUỔI**

Nguyễn Thị Quỳnh Anh: Biện pháp giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi chậm phát triển ngôn ngữ. Measures to educate communicative skills for 5 to 6-year-old children with language delays 25

## **LÍ LUẬN GIÁO DỤC - DẠY HỌC**

Nguyễn Mạnh Tuấn - Nguyễn Hà Linh: Nghiên cứu bước đầu về mục tiêu, nội dung, biện pháp và các hình thức giáo dục bảo vệ môi trường biển, đảo cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non. Initial research on the objective, contents, methods and forms of sea and island environment protection education for children at preschools 30

Cù Thị Thủy: Năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non. Professional competence of

preschool teachers to meet requirements of education reform 35

Trần Thị Kim Yến: Giáo dục kỹ năng hoạt động nhóm cho trẻ mẫu giáo trong chương trình giáo dục mầm non của một số nước trên thế giới, bài học cho Việt Nam. Education of teamwork skills for preschool children in preschool curriculum in many countries and experience for Vietnam 39

Phạm Thị Thu Hương: Kí hiệu học với hoạt động đọc văn của học sinh ở trường phổ thông. Senior with the literary reading of students at high school 43

Phạm Thị Anh: Ngữ liệu trong dạy học các học phần Tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non - nhìn từ quan điểm tích hợp. Materials in teaching Vietnamese modules for students majoring in Early Childhood Education - vision from integrated perspective 46

Phạm Thị Liễu Trang: Một số phương pháp dạy học môn "Nói tiếng Việt" cho người nước ngoài tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế. Some teaching methods of Advanced Vietnamese Speaking for foreigners at Foreign Languages College, Hue University 49

Dương Huy Cận: Vận dụng lí thuyết dạy học theo góc trong các bài học môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học. Applying the corner-based learning theory in the natural and social lessons at primary school 51

Trần Minh Thế: Thực trạng và giải pháp nâng cao hứng thú học tập môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Situation and solutions to enhance the interest in studying physical education for students at the University of Education - The University of Da Nang 55

Lê Thị Kim Oanh - Bùi Nguyên Hãn: Nhận thức và kĩ năng cần thiết của giảng viên đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam trong môi trường giảng dạy đa văn hóa ở thế kỉ XXI. Perception and essential skills for lecturers in preserving and promoting Vietnamese cultural identity in the multicultural teaching environment of the 21<sup>st</sup> century 59

## **THỰC TIỄN GIÁO DỤC**

Nguyễn Đức Thắng: Quy trình triển khai hệ thống chất lượng theo tiếp cận CIPO trong quản lí thiết bị đào tạo của các trường đại học kĩ thuật trong quân đội. Procedure to carry out quality systems by approaching CIPO in training equipment management at technical universities in the army 62

# BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KĨ NĂNG GIAO TIẾP CHO TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI CHẬM PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH\*

Ngày nhận bài: 25/10/2017; ngày sửa chữa: 26/10/2017; ngày duyệt đăng: 01/11/2017.

**Abstract:** Children with language delays may experience some social and emotional problems (such as fear of communication, lack of communicative skills, anger when the demand cannot be expressed, etc.) which can affect their psychology such as self-depreciation and reserve. The cliché' teachings do not bring good results but also can even be counter productive for children with language delay. The article presents a number of measures to help children with language delays to work, to play together, to experience, to practice, to stimulate their needs, to create excitement to limit language delays and develop communicative skills for children.

**Keywords:** Communicative skills, language delays.

Đối với trẻ 5-6 tuổi chậm phát triển ngôn ngữ (CPTNN), việc phát triển ngôn ngữ cũng như tăng cường khả năng giao tiếp, phát triển kĩ năng giao tiếp (KNGT) là một vấn đề rất quan trọng và đáng được quan tâm. Việc can thiệp sớm và đúng hướng sẽ ảnh hưởng đến tư duy và quá trình học tập sau này, giúp trẻ sớm hoà nhập với bạn bè cùng trang lứa, thúc đẩy hiệu quả quá trình xã hội hoá của đứa trẻ.

Trong điều kiện hiện nay, giáo dục trẻ em nói chung và giáo dục mầm non nói riêng ngày càng được xã hội quan tâm hơn. Thế nhưng, tại các cơ sở giáo dục mầm non vẫn chưa xác định được những KNGT cần thiết để giáo dục, chưa có chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức giáo dục KNGT cho trẻ bị CPTNN.

## 1. Một số vấn đề lí luận về giáo dục KNGT cho trẻ CPTNN

Giáo dục KNGT cho trẻ CPTNN là quá trình nhà giáo dục tổ chức các hoạt động, đưa những trẻ không đạt các ngưỡng phát triển ngôn ngữ thông thường so với các trẻ cùng lứa (ít nhất một năm) vào nhiều môi trường khác nhau. Trong môi trường đó, trẻ được hoạt động, trải nghiệm, thực hành các năng lực vốn có, từ đó hoàn thiện và phát triển các kĩ năng (KN) trong quá trình giao tiếp.

KNGT thuộc về KN thực hành, vì vậy, ý tưởng mà bài viết hướng đến là các biện pháp giáo dục KNGT cho trẻ CPTNN phải tác động vào tư duy ngôn ngữ, kích thích được nhu cầu giao tiếp và đưa trẻ vào nhiều môi trường trải nghiệm phong phú, thích hợp.

### 1.1. Tác động vào tư duy ngôn ngữ và tạo điều kiện cho trẻ được tương tác nhiều với những người xung quanh

L.S.Vygotsky, đại diện cho thuyết kiến tạo kiến thức thông qua tương tác xã hội, cho rằng, sự tương tác xã hội

làm cho tư duy và hành vi của trẻ từng bước, từng bước thay đổi một cách liên tục trong bối cảnh văn hóa.

Với khái niệm "vùng phát triển gần - the zone of proximal development" (ZPD), là khi có sự giúp đỡ của người khác, đứa trẻ có thể hoàn thành được một nhiệm vụ mà trước đó chính nó không thể tự hoàn thành được. Nghĩa là, nếu trẻ giải quyết vấn đề khi có sự hướng dẫn giúp đỡ và động viên, khích lệ của người lớn hoặc người giỏi hơn mình kết quả đạt được sẽ có sự khác biệt. Kết quả của quá trình này là đem lại sự phát triển nhận thức cho trẻ. Theo lí thuyết "vùng phát triển gần", để thành công, cần có 2 yếu tố cơ bản, đó là bản thân trẻ (chủ thể) và hỗ trợ xã hội.

Trong thuyết này, L.S.Vygotsky cũng đưa ra một khái niệm quan trọng gọi là "giàn giáo" hay gọi là phương pháp thích ứng (scaffolding), được hiểu như là một cấu trúc giá đỡ. Vận dụng lí thuyết này vào quá trình giáo dục KNGT cho trẻ CPTNN chúng ta thấy, khi tham gia vào hoạt động và giao tiếp trẻ học được ngôn ngữ của các anh chị, của người lớn xung quanh và biến chúng thành ngôn ngữ cá nhân, từ vốn ngôn ngữ đó trẻ dùng nó để tổ chức hành động của cá nhân theo cách tương tự nhưng ở giai đoạn phát triển cao hơn. Trong suốt quá trình giao tiếp, giáo viên là người hỗ trợ trẻ CPTNN thường xuyên, việc hỗ trợ sẽ giảm dần cho đến khi không còn cần thiết (đỡ bỏ giàn giáo dần dần cho đến khi đỡ bỏ hoàn toàn). Cuối cùng, trẻ sẽ tự phát triển các KNGT và thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp của mình một cách độc lập.

Như vậy, muốn giáo dục KNGT cho trẻ 5-6 tuổi CPTNN, người lớn cần phải hỗ trợ, tác động vào tư duy ngôn ngữ và tạo điều kiện cho trẻ được tương tác nhiều với những người xung quanh nhằm hạn chế sự chậm trễ ngôn ngữ và phát triển KNGT.

\* Trường Đại học Vinh

### 1.2. Tạo môi trường giáo dục cho trẻ trải nghiệm

Maria Montessori cho rằng, trẻ học ngôn ngữ và các KN quan trọng cơ bản của cuộc sống thông qua tiếp nhận một cách vô thức từ môi trường xung quanh, do đó tạo ra một môi trường học tập thân thiện, cởi mở cho trẻ là một trong những ưu tiên hàng đầu để giáo dục KNGT cho trẻ CPTNN.

Montessori đặt nền tảng tự do, nhu cầu và hứng thú của trẻ trên hết với quan điểm giáo dục cơ bản là "lấy trẻ làm trung tâm", bằng cách cho trẻ tự hoạt động và trải nghiệm dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người lớn để giúp trẻ phát triển toàn diện. Trong các hoạt động, trẻ học qua trải nghiệm và tự sửa lỗi của mình sẽ trở nên tự tin hơn và luôn cố gắng vượt lên chính mình để phát triển tốt nhất. Quan điểm của Montessori cho thấy, không một người nào có thể được giáo dục bởi một người khác, cá nhân con người phải tự hành động. Trong quá trình giáo dục KNGT cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi CPTNN, giáo viên cần chú ý tổ chức được môi trường trải nghiệm tốt, tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc bằng giác quan, đưa trẻ tham gia hòa mình vào các môi trường đa dạng, vào các hoạt động trải nghiệm, kích thích nhu cầu giao tiếp, được tập luyện phát triển các KNGT và các chức năng tâm lí chung của trẻ mẫu giáo.

### 1.3. Kích thích nhu cầu giao tiếp cho trẻ

Theo Maslow, con người vừa là thực thể tự nhiên vừa là thực thể xã hội, do vậy, dù là con người cá nhân hay con người trong tổ chức đều hành động theo nhu cầu. Khi có sự kích thích, và sự kích thích đó làm cho họ thỏa mãn nhu cầu, gây hứng thú thì sẽ thúc đẩy họ hành động. Theo cách xem xét đó, nhu cầu trở thành động lực quan trọng và việc tác động vào nhu cầu cá nhân sẽ thay đổi được hành vi con người. Nếu nhu cầu được thỏa mãn sẽ đem lại những yếu tố tích cực cho sự phát triển của con người.

Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi nói chung, trẻ CPTNN nói riêng cũng có những nhu cầu hoàn thiện, nhu cầu tự khẳng định mình, đặc biệt có nhu cầu được trò chuyện, được giao lưu và thể hiện mình qua con đường giáo dục. Trong quá trình giáo dục KNGT cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, cần tổ chức các hoạt động phong phú, hấp dẫn nhằm kích thích hứng thú, làm nảy sinh nhu cầu được giao tiếp ở trẻ, lôi kéo trẻ CPTNN tham gia vào hoạt động giao tiếp với bạn bè, với những người xung quanh... từ đó dễ dàng khắc phục tình trạng CPTNN và giáo dục các KNGT cho trẻ.

### 2. Thực trạng KNGT của trẻ 5-6 tuổi CPTNN

Tháng 10/2017, chúng tôi đã khảo sát 360 trẻ 5-6 tuổi ở 12 lớp thuộc 4 trường mầm non trên địa bàn thành phố Vinh (Trường Mầm non Vinh Tân, Trường Mầm non Trung Đô, Trường Mầm non Bến Thủy và Trường Mầm non thực hành - thuộc Trường Đại học Vinh). Công cụ đo sàng lọc phát hiện trẻ CPTNN căn cứ vào bảng kiểm ASQ-3, thang đo Kyoto, kết hợp với bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5

tuổi của Việt Nam. Qua sàng lọc, phát hiện có 30 trẻ có dấu hiệu CPTNN, chúng tôi chọn ra 7 cháu có biểu hiện CPTNN có nguyên nhân từ yếu tố môi trường giáo dục. Kiểm tra trực tiếp trên 7 trẻ trong điều kiện bình thường và quan sát các hoạt động của trẻ, kết quả cho thấy, KNGT của trẻ 5-6 tuổi CPTNN không tốt, đặc biệt 2 KN bộc lộ rõ nhất là KN tiếp nhận thông điệp (nghe hiểu) và KN đưa ra thông điệp (biểu đạt).

- KN tiếp nhận thông điệp bao gồm KN lắng nghe và KN hiểu

+ Trẻ 5-6 tuổi CPTNN gặp một số vấn đề lớn về KN lắng nghe, trẻ không thể hiện sự tập trung chú ý vào đối tượng giao tiếp; 57,1% trẻ có vẻ chăm chú lắng nghe khi có sự tác động, lôi kéo trẻ vào cuộc giao tiếp, tuy nhiên trẻ tiếp nhận được rất ít nội dung; 57,1% trẻ ngắt lời người khác, bỏ dở cuộc giao tiếp hoặc không đáp lại được bằng các cử chỉ, nét mặt phù hợp. Những vấn đề không hấp dẫn, không ấn tượng và không gây hứng thú gần như 100% trẻ CPTNN không chú ý lắng nghe. Do đó, trẻ lúc nghe lúc không, nghe không liên tục, buông trôi từng thời điểm khiến cho thông tin bị gián đoạn.

+ Mặc dù trẻ 5-6 tuổi CPTNN đã có thể làm theo lời nói, làm theo hiệu lệnh và trả lời trực tiếp các câu hỏi khi có sự tác động, hướng dẫn nhưng khi đưa ra chỉ dẫn liên quan đến 2-3 hành động thì hầu hết trẻ không tự thực hiện được. 57,1% trẻ có chăm chú lắng nghe, chỉ trả lời được hoặc thực hiện được theo các chỉ dẫn khi giáo viên nói chậm và hướng dẫn từng hành động một; 71,4% trẻ không "nghe" được những thông điệp qua hành vi, cử chỉ... của người khác để điều chỉnh hành vi, thái độ cho phù hợp.

Khả năng hiểu và nói những điều liên quan đến chủ đề người khác đang nói của trẻ 5-6 tuổi CPTNN chưa tốt. 71,4% trẻ xử lí thông tin rất chậm, phải có sự hỗ trợ, hướng dẫn thì trẻ mới có thể hiểu hết nội dung mà người khác cung cấp, kể cả những nội dung quen thuộc. Khi đối tượng giao tiếp nói quá nhanh, dùng nhiều từ khó, câu chứa nhiều thông tin phức tạp, nội dung giao tiếp mới, xa lạ... 100% trẻ CPTNN không hiểu, không có khả năng tương tác; có đến 85,7% hiểu chút ít khi có sự hướng dẫn, giải thích; 14,3% trẻ lúc hiểu lúc không, hoặc hiểu sai ý nghĩa.

Trẻ mẫu giáo lớn CPTNN có thể bắt chước theo cô đọc thuộc lòng được một số câu ca dao, hò vè, bài thơ, một đoạn truyện... thế nhưng 85,7% trẻ không hiểu được nội dung đó là gì, không hiểu được những hành động đơn giản hoặc một số trạng thái, tính cách nổi bật của nhân vật.

- KN biểu đạt (KN đưa ra thông điệp)

+ Về ngôn ngữ nói: 57,1% trẻ nói và phát âm được khi có người lớn hỗ trợ, tuy nhiên vẫn còn chậm, đặc biệt những từ khó phát âm và khó hiểu nghĩa thì trẻ CPTNN chưa thực hiện ngay được. Đặc biệt, về thanh điệu thì 100% trẻ mắc lỗi (do ngôn ngữ vùng miền).

Trong giao tiếp, do vốn từ trẻ nghèo nàn nên trẻ CPTNN sử dụng câu đơn điệu, 57,1% có thể nói thêm một số câu đầy đủ khi có sự gợi ý hướng dẫn, tuy nhiên không phải lúc nào trẻ cũng thực hiện được; 71,4% trẻ không chủ động sử dụng lời nói để giao tiếp hay bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.

+ Về KN trình bày vấn đề: Trẻ CPTNN khó diễn đạt được nội dung phức tạp. Đối với những vấn đề mới mẻ, đơn giản và cụ thể trẻ lại càng thiếu tự tin, diễn đạt không rõ, rất lúng túng và thiếu logic. Trong giao tiếp, 100% trẻ CPTNN chưa sử dụng được các loại câu khác nhau, không nói được những câu đầy đủ, mạch lạc. Có khi tốc độ nói nhanh nhưng diễn đạt rất lộn xộn, từ ngữ nghèo nàn, ngắt hơi không đúng lúc, trẻ khó biểu đạt những nhu cầu, suy nghĩ... thành lời, trẻ cứ lặp ba lặp bập mãi mới nói được một ý; 71,4% trẻ không chủ động hỏi lại cũng không có biểu hiện rõ trên khuôn mặt hay cử chỉ, hành động nào khi gặp vấn đề khó hiểu.

Ngoài ra, các KNGT khác của trẻ 5-6 tuổi CPTNN cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Trẻ chưa biết chọn thời điểm mở đầu, ngừng, tiếp tục và kết thúc quá trình giao tiếp cũng như không biết duy trì cuộc hội thoại. KN tương tác với người đối thoại của trẻ mẫu giáo lớn CPTNN chưa tốt, trẻ còn dè dặt, nhút nhát, do đó, khó bộc lộ được những ý tưởng, nhu cầu, nguyện vọng cho người khác hiểu, người khác cũng khó đoán biết trẻ nghĩ gì, hiểu nội dung giao tiếp đến đâu. 71,4% trẻ không biết chơi luân phiên với bạn, với người lớn mà im lặng chơi một mình hoặc chỉ nhìn theo, bắt chước.

### 3. Biện pháp giáo dục KNGT cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi CPTNN

#### 3.1. Nhóm biện pháp kích thích nhu cầu giao tiếp của trẻ

##### *Biện pháp 1: Sử dụng trò chơi*

Các nhà khoa học nhận định: chơi chính là học. Hoạt động vui chơi có ý nghĩa tác động toàn diện đến sự phát triển của trẻ nói chung, trẻ CPTNN nói riêng. Bởi chơi là hoạt động linh hoạt có thể sử dụng trong môi trường đa dạng (Wolery & Bailey-1989). Đối với trẻ CPTNN, trẻ rất nhút nhát, ngại giao tiếp, do đó khi tổ chức trò chơi sẽ kích thích và tạo điều kiện cho trẻ được tương tác, được giao tiếp xã hội với các bạn cùng trang lứa (Mc Connell, 2002) mà trẻ không cảm thấy đang bị bắt buộc, không cảm thấy tự ti. Đồng thời làm gia tăng khả năng học tập một cách tự nhiên hiệu quả nhất, tạo nền tảng cho sự phát triển các KN, trong đó có KNGT...

Trong nhóm biện pháp này, căn cứ vào các dấu hiệu chậm điển hình thường gặp của trẻ, thiết kế các trò chơi với nhiều hình thức chơi khác nhau, nhằm kích thích hứng thú, lôi kéo được trẻ CPTNN tham gia tích cực, khắc phục các lỗi giao tiếp, giảm thiểu tình trạng chậm đạt hiệu quả giáo dục cao nhất...

##### *Biện pháp 2: Sử dụng truyện tranh*

Đối với trẻ mầm non có rất nhiều thời điểm thuận lợi để giáo dục KNGT, đó là khi trẻ ăn, khi chơi với bạn bè... đặc biệt khi trẻ 5-6 tuổi được chạm vào những dòng chữ trong sách. Ở giai đoạn này, trẻ có một trí tuệ thẩm thấu để học ngôn ngữ tốt hơn so với các giai đoạn khác khi lớn lên. Do đó, cần lựa chọn một số câu chuyện trong và ngoài chương trình có hình ảnh hấp dẫn, nội dung phù hợp, gắn gũi với đời sống tâm, sinh lí trẻ, gắn gũi với kinh nghiệm của trẻ hoặc những câu chuyện do cô sáng tác để giáo dục KNGT cho trẻ.

##### *Biện pháp 3: Sử dụng câu đố*

Câu đố là một thể loại độc đáo của văn học dân gian. Ở đó vừa có chất trí tuệ của ngụ ngôn, tục ngữ, vừa có chất trữ tình của ca dao dân ca, đặc biệt tính vần điệu, nhịp điệu của câu đố rất hấp dẫn trẻ. Khi sử dụng câu đố sẽ kích thích hứng thú, dễ dàng lôi cuốn trẻ tham gia vào việc nghe, đoán và giải câu đố, thậm chí trẻ còn thích tham gia vào việc đặt câu đố. Tuy nhiên, đối với trẻ mầm non, ngoài việc sử dụng các câu đố dân gian có thể sử dụng các hình thức văn vần do cô viết hoặc văn xuôi tùy từng tình huống.

##### *Biện pháp 4: Sử dụng rối hoặc trò chơi đóng kịch*

Để trẻ có cảm xúc mạnh, có nhu cầu giao tiếp thì việc dùng rối hoặc trò chơi đóng kịch là rất cần thiết. Trẻ lứa tuổi này rất thích và rất ấn tượng khi được nói chuyện với những con rối hoặc được hóa thân vào các nhân vật trong các câu chuyện, đặc biệt đó là những con vật gắn gũi với trẻ.

Sử dụng rối, hoặc trò chơi đóng kịch kích thích trẻ hứng thú, tập trung chú ý lắng nghe để hiểu yêu cầu của cô và sử dụng ngôn ngữ biểu đạt để phản ứng nhanh và giải quyết tốt nhất tình huống giáo dục.

Trong các giờ chơi, cô có thể luyện KNGT bằng cách cho trẻ hóa thân vào các nhân vật trẻ yêu thích, cần chú ý cho trẻ CPTNN vào những vai có lời thoại đơn giản hơn. Cô cần chuẩn bị nội dung chu đáo và cần có sự linh hoạt trong việc tạo ra các tình huống bất ngờ để kích thích trẻ phản ứng bằng ngôn ngữ.

Đặc biệt, cô chú ý nhiều hơn vào trẻ CPTNN, trẻ chậm lĩnh vực nào thì cô phải điều chỉnh tình huống cho phù hợp với trẻ ở lĩnh vực đó. Lôi kéo trẻ CPTNN tham gia vào hoạt động tích cực.

#### 3.2. Nhóm biện pháp tạo môi trường ngôn ngữ trải nghiệm tự nhiên

Khi nói "Điều hâu đã sinh ra đại bàng" là muốn nói đến nhân cách, tài năng con người đương nhiên không do thiên phú hay di truyền, mà được phát triển nhờ chính môi trường nuôi dạy tốt. Nói chính xác, điều hâu không sinh ra đại bàng mà điều hâu đã tạo ra môi trường sống tốt để nuôi dưỡng nên đại bàng.

Những mầm non cũng vậy, có phát triển thành những cây tốt, nở ra những bông hoa đẹp hay không phụ thuộc

vào chính cách giáo dục và môi trường sống mà chúng ta tạo nên cho trẻ.

Trong quá trình học ngôn ngữ, môi trường ngôn ngữ là nhân tố chúng ta có thể khống chế được. Vì thế, tạo môi trường tự nhiên, làm phong phú các kích thích ngôn ngữ và giao tiếp cũng như tương tác là một yếu tố vô cùng quan trọng để phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Trong môi trường trải nghiệm này, người chăm sóc trẻ, các nhà giáo dục cần sử dụng một số biện pháp, một số kĩ thuật rèn luyện để thúc đẩy quá trình học ngôn ngữ, phát triển KNGT cho trẻ. Gandini cho rằng: môi trường được nhìn thấy ở đây như giáo dục trẻ, thực tế là nó được xem xét như một người giáo viên thứ 3 cùng với một nhóm của 2 giáo viên (Edwards, Gandini & Forman, 1933, 148).

*Biện pháp 1: Tạo cơ hội cho trẻ CPTNN giao lưu, giao tiếp tích cực, tự nhiên với cộng đồng*

Tạo điều kiện, cơ hội cho trẻ CPTNN được làm thành viên tích cực của nhóm, được dạo chơi xung quanh khu vực mình sinh sống, đến những nơi vui chơi công cộng, đi công viên, siêu thị, tham quan, trải nghiệm thực tế tại các cơ sở sản xuất (tiệm làm kem, làm bánh, nhà máy sữa, đơn vị bộ đội...); trải nghiệm thực tế tại các trường tiểu học; tham quan các điểm di tích lịch sử... Trong quá trình tổ chức cần có sự tham gia hỗ trợ của giáo viên, phụ huynh, người thân.

Khi được tham gia vào các mối quan hệ trong cộng đồng, trẻ CPTNN sẽ được giao lưu, giao tiếp, được mở rộng phạm vi giao tiếp, có nhiều cơ hội tương tác với các đối tượng giao tiếp khác nhau, trẻ sẽ được học ngôn ngữ của người khác và sẽ tích cực giao tiếp. Từ đó, giúp trẻ tự tin hơn, tăng cường nhu cầu giao tiếp cho trẻ và rèn luyện được các KN giao tiếp hiệu quả.

*Biện pháp 2: Tạo cơ hội cho trẻ CPTNN được trải nghiệm trực tiếp với thế giới tự nhiên*

Cho phép trẻ được trải nghiệm trực tiếp với thế giới tự nhiên (nghịch cát, lội trong vũng nước cho nước bắn tung tóe, lăn lộn trên thảm cỏ, trèo núi, ngắm hoa, trồng cây, tắm biển, tắm mưa, chạy nhảy, đuổi bắt chuồn chuồn, châu chấu hay quan sát hành động của các con vật...) nhằm phát triển KNGT một cách tự do. Thoát ra khỏi các khuôn mẫu giao tiếp ràng buộc, áp đặt, tự bản thân trẻ sẽ thích thú, đủ hào hứng nhưng không quá sợ sệt để lôi kéo người khác vào các cuộc giao tiếp với trẻ. Từ đó, mở rộng phạm vi giao tiếp, tăng vốn từ, tăng cường tính tích cực và rèn luyện được các KNGT.

*Biện pháp 3: Tạo môi trường sống, học tập thân thiện*

Được sống, học tập trong môi trường thân thiện, tích cực khiến trẻ cảm thấy thoải mái, an toàn, được yêu thương... Điều đó sẽ giúp trẻ tự tin trong giao tiếp và có nhu cầu giao tiếp bằng lời với những người xung quanh. Người lớn dễ dàng điều chỉnh, giáo dục các KNGT cũng như sửa lỗi sai cho trẻ.

### 3.3. Nhóm biện pháp tác động vào tư duy ngôn ngữ của trẻ

*Biện pháp 1: Sử dụng các kĩ thuật rèn luyện KNGT*

#### 1) Thay đổi thói quen

Thay đổi đột ngột thói quen trong chế độ sinh hoạt, hoặc thay đổi nội dung chủ đề, thời gian, cách thức thực hiện các hoạt động... mà không thông báo cho trẻ biết. Mục đích là để trẻ tự phát hiện ra có sự thay đổi đó buộc trẻ phản ứng bằng cách thông báo về sự bất bình thường đó cho người lớn thông qua ngôn ngữ.

2) Tập sử dụng câu văn ngắn miêu tả đặc điểm của người, của các loài vật, đồ vật, các sự vật hiện tượng hoặc nói tiếp ý theo yêu cầu của cô.

Mục đích luyện KN nhận thức ngôn ngữ, tập hiểu và phản ứng nhanh, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, đúng ngữ pháp (Trẻ phải suy nghĩ tích cực để hiểu yêu cầu của cô và giải quyết nhiệm vụ thông qua ngôn ngữ).

#### 3) Luyện KNGT thông qua hệ thống các kí - tín hiệu

- Trong quá trình giáo dục trẻ CPTNN, để luyện KNGT cho trẻ, người lớn có thể dùng nhiều cách thức khác nhau để yêu cầu trẻ mô tả bằng lời những nội dung ẩn chứa trong các kí, tín hiệu để tăng cường KN diễn đạt, KN lắng nghe và ghi nhớ chú ý có chủ định cho trẻ. Đó là, biểu tượng của các quốc gia, quốc kì các nước, quốc hoa; các kí tín hiệu thông báo, quy định, chỉ dẫn ở công cộng; các thẻ tranh về đồ vật, các hình nộm, rối hoặc tranh vẽ các cách biểu cảm trên khuôn mặt; các logo biểu đạt hành động, hoạt động của người hoặc vật; một số tín hiệu âm thanh ...

#### 4) Lôi cuốn trẻ CPTNN giao tiếp trong hoạt động khám phá khoa học

Khám phá khoa học là một trong những chiến lược quan trọng giúp phát triển tư duy và năng lực của trẻ, các bé không chỉ là học hỏi những kiến thức khoa học qua hình ảnh, lời kể mà còn trực tiếp trải nghiệm, tìm tòi, khám phá những gì trẻ quan tâm, muốn tìm hiểu. Khi được tham gia hoạt động này trẻ suy nghĩ nhiều hơn về những gì các bé nhìn thấy và đang làm, kích thích trẻ quan sát, xem xét, phỏng đoán, tác động được vào tư duy ngôn ngữ, hình thành phản xạ tư duy, kích thích nhu cầu giao tiếp và hình thành thói quen hiểu đúng, hiểu chính xác về các hoạt động xung quanh.

*Biện pháp 2: Sử dụng các tình huống có vấn đề rèn luyện KNGT*

Khi sử dụng các tình huống có vấn đề trong các hoạt động sẽ thúc đẩy tính độc lập suy nghĩ, tích cực giao tiếp của trẻ. Những tình huống có vấn đề, những lời đề nghị, các câu hỏi mang tính định hướng tác động vào tư duy ngôn ngữ của trẻ, sẽ thôi thúc trẻ suy nghĩ, trẻ phải sử dụng một số thao tác tư duy như so sánh, phân tích, hệ thống, phải huy động vốn từ, vốn hiểu biết của mình, phải nói, giao tiếp,

tương tác nhiều với cô và các bạn để tìm lời giải đáp. Chính điều này sẽ tạo điều kiện cho trẻ tìm kiếm và vận dụng những điều đã biết cố gắng thể hiện ra bằng ngôn ngữ để tranh luận, là cơ hội để trẻ CPTNN được giao tiếp với cô, giao tiếp với nhau tích cực, từ đó rèn luyện được KN nghe hiểu, biểu đạt cho trẻ.

### 3.4. Tác động hỗ trợ cá nhân

Hỗ trợ cá nhân là hoạt động hỗ trợ riêng cho một trẻ (hoặc nhóm trẻ CPTNN) trong các hoạt động hằng ngày nhằm mục đích khắc phục những khiếm khuyết cho trẻ mà trong tiết chung không thực hiện được hoặc khó tổ chức.

Mục đích là rèn tập trung chú ý, phát triển vốn từ và KNGT cho trẻ. Tiết học cá nhân giúp trẻ ôn lại, củng cố kiến thức mà giáo viên dạy hằng ngày để giúp trẻ CPTNN có thể theo kịp được cùng các bạn trong lớp. Tiết học cá nhân sử dụng các kĩ thuật như làm mẫu kết hợp lời nói; nói chậm làm chậm; sử dụng lời nói mẫu; luyện giao tiếp mắt - mắt; sử dụng hệ thống giao tiếp thông qua trao đổi thẻ tranh... để tiến hành các nội dung như luyện phát âm, luyện KN lắng nghe, KN hiểu và KN biểu đạt.

Giáo viên cần kiên trì, yêu thương trẻ, gần gũi, cảm thông với trẻ để giúp trẻ tự tin trong cuộc sống đời thường hòa nhập cùng các bạn. Bên cạnh đó, giáo viên phải có trình độ chuyên môn sâu sắc, có đầu óc sáng tạo và nhạy cảm mới có thể đóng vai trò người tổ chức, điều khiển các hoạt động độc lập của trẻ CPTNN để có thể đánh thức, khơi dậy khả năng còn lại của trẻ và giúp trẻ phát huy những mặt còn lại để tập trung khám phá những điều kì thú trong môi trường xung quanh đầy bổ ích.

\*\*\*

CPTNN ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày và ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài của trẻ. Mong muốn có các phương pháp hỗ trợ, khắc phục được những hạn chế do CPTNN gây ra luôn là mối bận tâm của cả gia đình và các nhà làm công tác giáo dục mầm non. Vì vậy, với các biện pháp giáo dục KNGT được đề xuất, hi vọng sẽ giải quyết được một cách hiệu quả vấn đề đó. Nếu giáo viên phối hợp các biện pháp một cách linh hoạt, đúng mục đích, đặc biệt tạo cơ hội cho trẻ CPTNN được thể hiện tiềm năng của mình, được trải nghiệm trực tiếp, được luyện tập thường xuyên thì sẽ giảm thiểu những hạn chế do CPTNN gây ra đồng thời phát triển KNGT cho trẻ mẫu giáo lớn CPTNN, giúp trẻ bắt kịp các bạn đồng trang lứa, tự tin bước vào lớp một. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Liublinoxcaia A.A. (1978). *Tâm lý học trẻ em*. Sở giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Nguyễn Huy Cận (1987). *Một số vấn đề của việc nghiên cứu ngôn ngữ trẻ em và việc dạy nói cho trẻ*. Viện Thông tin Khoa học xã hội.

[3] Quốc Tú Hoa (2016). *Cẩm nang nuôi dạy con theo phương pháp Montessori*. NXB Phụ nữ.

[4] L.S.Vygotsky (1997). *Tuyển tập tâm lý học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

[5] Maria Montessori (tài liệu dịch) (2015). *Sức thấm thấu của tâm hồn*. NXB Đại học Sư phạm.

[6] Phan Trọng Ngọ (2016). *Giáo trình các lý thuyết tâm lý người*. NXB Đại học Sư phạm.

[7] Phùng Đức Toàn (2013). *Phát triển ngôn ngữ từ trong nói*. NXB Lao động - Xã hội.

## Năng lực nghề nghiệp của...

(Tiếp theo trang 38)

mầm non. Điểm cốt lõi nhất là xác định được những năng lực nghề nghiệp của GVMN để làm cơ sở cho việc xây dựng chuẩn đầu ra của quá trình đào tạo ở các trường sư phạm cũng như chuẩn nghề nghiệp đối với GVMN. Để có được những năng lực nghề nghiệp bền vững đòi hỏi GVMN có quá trình học tập, rèn luyện và tự quản lí bản thân thường xuyên trong suốt quá trình học tập ở trường sư phạm, cũng như sau này trong hoạt động nghề nghiệp. □

### Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT (2008). *Quyết định số 02/2008 QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*.

[2] Hồ Lam Hồng (2008). *Chuẩn nghề nghiệp và quy trình xây dựng chuẩn*. Tạp chí Giáo dục, số 184, quý I/2008, tr 15.

[3] Hồ Lam Hồng (2005). *Chất lượng đào tạo giáo viên mầm non dựa vào chuẩn*. Kỉ yếu hội thảo khoa học về nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học chuyên ngành Giáo dục mầm non. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr 23.

[4] Đặng Thành Hưng (2012). *Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực*. Tạp chí Quản lí giáo dục, số 43, tr 9.

[5] Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục*.

[6] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.

[7] Nguyễn Hải Thập (2009). *Thực trạng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục và những nội dung cần nghiên cứu khi xây dựng Luật Viên chức, Nhà giáo và Cán bộ quản lí cơ sở giáo dục*. Bộ GD-ĐT.

[8] Hoàng Đức Minh - Nguyễn Trí - Hồ Lam Hồng - Nguyễn Ngọc Ân - Cù Thị Thủy - Lê Mỹ Dung (2012). *Hướng dẫn áp dụng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và đánh giá giáo viên*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[9] UNESCO và ILO (2012). *Vị thế nhà giáo* (dịch và hiệu đính: Nguyễn Quang Kính - Phạm Đỗ Nhật Tiến). NXB Giáo dục Việt Nam.